TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **167**/2023/DS-PT
Ngày: 31/7/2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Lê Thị Ký

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 411/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố O, tỉnh Đồng Nai. *(Số điện thoại: 0917712775)*

- *Bị đơn:* 1. Ông **Đỗ Mạnh C**, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: phường U, thành phố V, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú hiện nay: khu phố E, phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai. *(Số điện thoại: 0937043509)*

2. Bà **Nguyễn Hoài Bảo L**, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: khu phố X1, phường Y1, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: khu phố E, phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà L: Ông **Nguyễn Tùng T**, sinh năm 1973. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2022)

Địa chỉ: khu phố X2, phường Y2, thành phố O, tỉnh Đồng Nai. *(Số điện thoại: 0943166968)*

Địa chỉ liên hệ: khu phố R, phường K, thành phố O, tỉnh Đồng Nai. *(Số điện thoại: 0932166598)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Ngọc Q**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: xã X3, huyện Y3, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1964. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2021)

Địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

2. Cháu **Đỗ Bảo Q1**, sinh ngày 29/10/2009.

3. Cháu **Đỗ Bình A**, sinh ngày 08/6/2019.

Cùng địa chỉ: khu phố E, phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q1, cháu A: Ông **Đỗ Mạnh C**, sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Hoài Bảo L**, sinh năm 1985 – là cha mẹ của hai cháu).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà L: Ông **Nguyễn Tùng T**, sinh năm 1973. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2022)

Địa chỉ: khu phố X2, phường Y2, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

(Bà P, ông T có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa bà Lê Thị P - nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Bà P và ông Q là chủ sử dụng thửa số 108, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, đã được Ủy ban nhân dân thành phố O cấp giấy chứng nhận số V763XXX ngày 07/10/2002 với diện tích là 53,2m^2, mục đích là đất ở tại nông thôn, trên đất có 01 căn nhà.

Nguồn gốc căn nhà và quyền sử dụng đất nói trên là do ông Lê Văn K1 và bà Nguyễn Thị N chuyển nhượng cho ông bà vào năm 1993, đến tháng 9/2002, ông Q và bà P đã làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến tháng 02/2018, do có nhu cầu nhà ở nên bà P đã tháo dỡ căn nhà cũ để sửa chữa xây dựng lại. Tuy nhiên, đến tháng 4/2018, khi làm thủ tục xin giấy phép xây dựng thì bà P mới phát hiện ông C và bà L có xây dựng một phần công trình lấn chiếm qua phần diện tích đất khoảng 01m^2 thuộc thửa số 108, tờ bản đồ 11 do bà P ông Q là chủ sử dụng. Ông C và bà L là chủ sử dụng thửa số 96, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, đã được Ủy ban nhân dân thành phố O cấp giấy chứng nhận số BR231XXX ngày 14/01/2014. Bà P đã nhiều lần thượng lượng với ông C bà L nhưng hai bên không thống nhất giải quyết được. Ngày 16/04/2018, bà P có làm đơn khiếu nại gởi Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai để giải quyết nhưng hòa giải không thành công.

Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà L phải trả lại phần diện tích đất khoảng 01m^2 thuộc thửa số 108, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai và tháo dỡ phần công trình ông C và bà L đã xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm nói trên. Ngoài ra, bà P không có ý kiến gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

- Theo Bản tự khai và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Tùng T – người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L trình bày:

Nhà đất ông C, bà L đang sử dụng do ông bà nhận chuyển nhượng từ năm 2012, sau đó thực hiện thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố O cấp giấy chứng nhận số BR231XXX ngày 14/01/2014 với diện tích là 166,6m^2, thời điểm đó ông bà không tiến hành đo vẽ lại thực tế thửa đất. Đến năm 2019, khi xây dựng lại nhà thì ông bà đã xây hoàn toàn trên nền nhà cũ trước đây, vì vậy ông C, bà L không lấn đất của bà P.

Giấy tờ của các thửa đất giáp ranh nhà ông C, bà L đều không đúng với thực tế sử dụng. Diện tích đất nhà ông C, bà L cũng bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên nhân là do việc đo vẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không theo thực tế sử dụng và các thửa đất cũng không đúng với bản đồ địa chính hiện tại. Do đó ông C và bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất" đối với ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L.

Buộc ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L phải tháo dỡ phần công trình xây dựng và trả cho bà Lê Thị P phần đất đã lấn chiếm có diện tích là 01m^2, được giới hạn bởi các cột mốc (C, 23, 22, C) theo bản vẽ hiện trạng khu đất số 6086/2022 ngày 02/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh O.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lệ phí, án phí, nghĩa vụ chậm trả, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 18/01/2023, bị đơn ông Đỗ Mạnh C; bà Nguyễn Hoàng Bảo L kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố O đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua các các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thửa đất 108, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai của ông Nguyễn Ngọc Q, bà Lê Thị P đã được UBND thành phố O, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V763XXX ngày 07/10/2002 với diện tích 53.2m^2, mục đích sử dụng; đất ở tại nông thôn (bút lục số: 14, 15). Tháng 4/2018 vợ chồng bà P làm thủ tục xin giấy phép xây dựng nhà thì phát hiện bị thửa đất 108, tờ bản đồ số 11 của ông Đỗ Mạnh C, bà Nguyễn Hoài Bảo L lấn chiếm diện tích 01m^2 đất, trên đất vợ chồng ông C đã xây dựng công trình tạm nên khởi kiện yêu cầu tòa án buộc vợ chồng ông C trả lại phần diên tích đất lấn chiếm và tháo dỡ công trình tạm trên đất (bút lục số: 01, 02).

Căn cứ bản đồ hiện trạng khu đất số 6086/2022 ngày 02/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh O, thể hiện thửa đất 96, tờ bản đồ số 11 của vợ chồng ông C lấn chiền chiếm diện tích 01m^2 của thửa đất 108, tờ bản đồ số 11 của vợ chồng bà P, được giới hạn bởi các mốc (C, 23, 22, C) (bút lục

số 103). Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và chứng thư thẩm định giá thì trên phần đất 01m^2 mà vợ chồng ông C lấn chiếm có xây nhà kho tạm, với diện tích 3, 915m^2 , do vậy vợ chồng ông C phải thảo dỡ để trả lại diện tích 01m^2 đất (bút lục số: 88, 89, 110, 111, 112).

Việc vợ chồng ông C căn cứ vào biên vẽ thửa đất số 7224/2013 ngày 30/11/2013 để cho rằng bản đồ địa chính bị xô lệch dẫn đến diện tích đất của từng thửa đất đã được công nhận trên GCNQSD đất bị sai lệch so với đo vẽ thực tế là không có cơ sở vì phần ghi chú ghi rõ bản vẽ này chỉ có giá trị thể hiện hình thể, ranh giới, diện tích thửa đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T1 ..... Việc xác định tính pháp lý về quyền sử dụng đất và mục đích sử dụng đất (loại đất) do cơ quan có thẩm quyền quyết định (bút lục số:138). Ngoài ra, vợ chồng ông C còn cho rằng; ông xây dựng công trình phụ trên 01 mét đất đang tranh chấp là làm trên nền móng cũ nhưng vợ chồng ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh vấn đề này, còn vấn đề thửa đất của vợ ông C ranh giới kế cận thửa đất 100 và kế cận thửa đất 108, thì theo hiện trạng khu đất số 6086/2022 ngày 02/8/2022 thì phần đất gia đình ông C đang sử dụng đã lấn sang thửa đất 100 và thửa đất 108 nhưng trong vụ án này chỉ có vợ chồng bà P khởi kiện việc vợ ông C lấn chiếm 01m^2 của thửa đất 108, tờ bản đồ số 11 và không liên quan gì đến thửa đất 100, còn việc vợ chồng ông C trình bày hiện diện tích đất của gia đình ông cũng bị thiều 14,3m^2 nhưng vợ chồng ông C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích nêu trên.

Đề xuất Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Mạnh C, bà Nguyễn Hoài Bảo L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Ngọc Q là chủ sử dụng thửa số 108, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, đã được Ủy ban nhân dân thành phố O cấp giấy chứng nhận số V763XXX ngày 07/10/2002 với diện tích là 53,2m^2. Còn ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L là chủ sử dụng thửa số 96, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, đã được Ủy ban nhân dân thành phố O cấp giấy chứng nhận số BR231XXX ngày 14/01/2014 với diện tích là 166,6m^2.

Tháng 4/2018, vợ chồng bà P làm thủ tục xin giấy phép xây dựng nhà thì phát hiện bị thửa đất số 96, tờ bản đồ số 11 của mình đã bị ông Đỗ Mạnh C, bà Nguyễn Hoài Bảo L lấn chiếm diện tích 01m^2 đất, trên đất vợ chồng ông C đã xây dựng công trình tạm nên khởi kiện yêu cầu tòa án buộc vợ chồng ông C trả lại phần diện tích đất lấn chiếm và tháo dỡ công trình tạm trên đất (bút lục số: 01, 02).

Căn cứ Bản đồ hiện trạng khu đất số 6086/2022 ngày 02/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh O thể hiện thửa đất số 96, tờ bản đồ số 11 tại phường Đ, thành phố O có diện tích được công nhận quyền sử dụng đất cho ông C và bà L theo giấy chứng nhận số BR231XXX ngày 14/01/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố O cấp là 166,6m^2 (được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1), nhưng ranh đất sử dụng thực tế hiện nay của thửa đất số 96 lại được giới hạn bởi các mốc 1, 25, 3, 26, 27, 28, 8, 29, 30, 31, 32, 14, 23, C, 22, 33, 34, 35, 1.

Trong khi đó, thửa đất số 108, tờ bản đồ số 11 tại phường Đ, thành phố O có diện tích được công nhận quyền sử dụng đất cho bà P và ông Q theo giấy chứng nhận số V763XXX ngày 07/10/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố O cấp là 53,2m^2 (được giới hạn bởi các mốc 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 17). Như vậy, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 11 tại phường Đ, thành phố O có hiện trạng sử dụng đã lấn sang thửa đất số 108, tờ bản đồ số 11 tại phường Đ, thành phố O một phần đất có diện tích là 01m^2 được giới hạn bởi các cột mốc (C, 23, 22, C).

Việc vợ chồng ông C căn cứ vào biên vẽ thửa đất số 7224/2013 ngày 30/11/2013 để cho rằng bản đồ địa chính bị sai lệch dẫn đến diện tích đất của từng thửa đất đã được công nhận trên GCNQSD đất bị sai lệch so với đo vẽ thực tế là không có căn cứ vì phần ghi chú ghi rõ "*bản vẽ này chỉ có giá trị thể hiện hình thể, ranh giới, diện tích thửa đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn*

Văn T1 ..... Việc xác định tính pháp lý về quyền sử dụng đất và mục đích sử dụng đất (loại đất) do cơ quan có thẩm quyền quyết định" (bút lục số: 138).

Vợ chồng ông C còn cho rằng phần xây dựng công trình phụ trên đất đang tranh chấp là làm trên nền móng cũ của công trình trên đất trước đây nhưng vợ chồng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Đối với nội dung vợ chồng ông C cho rằng ranh giới thửa đất số 96 của vợ chồng ông kế cận thửa đất 100 chứ không kế cận với thửa đất 108 của vợ chồng bà P, thì như phân tích ở trên. Căn cứ bản đồ hiện trạng khu đất số 6086/2022 ngày 02/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh O thì phần đất gia đình ông C đang sử dụng theo hiện trạng thực tế còn lấn sang thửa đất 100 (9,7m^2) và thửa đất 108 (01m^2) nhưng trong vụ án này chỉ có vợ chồng bà P khởi kiện về việc vợ chồng ông C lấn chiếm 01m^2 của thửa đất 108, tờ bản đồ số 11 và không liên quan gì đến thửa đất 100, còn vợ chồng ông C trình bày hiện diện tích đất của gia đình ông cũng bị thiều 14,3m^2 nhưng vợ chồng ông C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích trên, việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P về việc buộc ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L có trách nhiệm trả lại cho bà P phần diện tích đất đã lấn chiếm là 01m^2 là có căn cứ.

Ông Đỗ Mạnh C, bà Hoàng Thị Bảo L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C, bà L phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Đỗ Mạnh C, bà Hoàng Thị Bảo L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 200; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 175; Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất" đối với ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L.

Buộc ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L phải tháo dỡ phần công trình xây dựng và trả cho bà Lê Thị P phần đất đã lấn chiếm có diện tích là 01m^2, được giới hạn bởi các cột mốc (C, 23, 22, C) theo bản vẽ hiện trạng khu đất số 6086/2022 ngày 02/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh O.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L phải thanh toán lại cho bà Lê Thị P số tiền 10.930.109 đồng (Mười triệu, chín trăm ba mươi nghìn, một trăm lẻ chín đồng).

3. Về án phí:

Ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.160.000 đồng (Một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001072 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O.

Ông Đỗ Mạnh C và bà Nguyễn Hoài Bảo L phải chịu mỗi người 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006288; 0006287 cùng ngày 20/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. O;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.